

Số: /TTr-KHCNMT&VLXD

TỜ TRÌNH

Dự thảo Thông tư quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đăng kiểm tàu biển

DỰ THẢO

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trần Hồng Minh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Quyết định số 417/QĐ-BXD ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 của Bộ Xây dựng. Vụ Khoa học công nghệ, môi trường & Vật liệu xây dựng kính trình Bộ trưởng dự thảo Thông tư quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đăng kiểm tàu biển như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Cơ sở chính trị

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, trong đó yêu cầu đẩy mạnh hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ công tác quản lý nhà nước, phát triển hạ tầng, bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn giao thông;

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045, trong đó nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện kết cấu hạ tầng, nâng cao năng lực khoa học - công nghệ, thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp giao thông vận tải, đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

- Quy định số 178-QĐ/TW ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Ban chấp hành trung ương Đảng Quy định kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong các công tác xây dựng pháp luật;

- Chỉ thị số 43-CT/TW ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Ban chấp hành trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực thành pháp luật của Nhà nước;

- Kết luận số 105-KL/BCSD ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Ban cán sự đảng bộ Giao thông vận tải Kết luận của Ban cán sự đảng Bộ Giao thông vận tải cho ý kiến về ban hành giá tối đa các dịch vụ kiểm định phương tiện vận tải.

b) Cơ sở pháp lý

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;
- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
- Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023: Theo Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá tại mục 8 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Luật Giá thì Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) là Cơ quan có thẩm quyền định giá tối đa đối với *“Dịch vụ kiểm định phương tiện vận tải bao gồm: dịch vụ đăng kiểm phương tiện giao thông, các tổng thành, hệ thống linh, kiện, phụ tùng của phương tiện giao thông; phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển trên biển; phương tiện, thiết bị xếp dỡ, thi công chuyên dùng; máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động trong giao thông vận tải và trang bị, thiết bị kỹ thuật chuyên dùng.”*;
- Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá: Điều a khoản 2 Điều 28 của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP thì các bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm: *“a) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền theo lĩnh vực quản lý để quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (tên gọi chi tiết, chủng loại cụ thể hoặc đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ) trên cơ sở tên gọi chung của hàng hóa, dịch vụ trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá (ngoại trừ sản phẩm dịch vụ công sử dụng Ngân sách Nhà nước thực hiện theo phương thức đặt hàng, hàng dự trữ quốc gia và các hàng hóa, dịch vụ đã có quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật tại pháp luật có liên quan), Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá được quy định tại Luật Giá và Nghị định này, phù hợp với yêu cầu công tác quản lý nhà nước về giá theo ngành, lĩnh vực;”*;
- Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng: Khoản 3 Điều 2 của Nghị định số 33/2025/NĐ-CP thì Bộ Xây dựng có nhiệm vụ, quyền hạn *“Ban hành thông tư và các văn bản khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ; ...”*;
- Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam;
- Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm;
- Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển;

- Thông tư số 43/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thủ tục cấp, phê duyệt, thu hồi Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải và Giấy chứng nhận Lao động hàng hải;

- Các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Công ước quốc tế có liên quan (Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS), Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm biển do tàu gây ra (MARPOL), Công ước quốc tế về mạn khô, 1966 (Load Line, 1966), Công ước lao động hàng hải năm 2006 (Công ước MLC 2006), Công ước quốc tế về kiểm soát hệ thống chống hà độc hại của tàu năm, 2001 (Công ước AFS, 2001), Công ước quốc tế về đo dung tích tàu biển năm 1969 (Công ước Tonnage 69), Công ước quốc tế về kiểm soát và quản lý nước dẫn và cặn nước dẫn tàu biển, 2004 (Công ước BWI, 2004)).

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Tên gọi đặc kiểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đăng kiểm tàu biển

Tên gọi đặc kiểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đăng kiểm tàu biển được xây dựng trên cơ sở quy định tại mục 8 Phụ lục II của Luật Giá năm 2023 “*Dịch vụ kiểm định phương tiện vận tải bao gồm: dịch vụ đăng kiểm phương tiện giao thông, các tổng thành, hệ thống linh kiện, phụ tùng của phương tiện giao thông; phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển trên biển; phương tiện, thiết bị xếp dỡ, thi công chuyên dùng; máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động trong giao thông vận tải và trang bị, thiết bị kỹ thuật chuyên dùng.*” và quy định tại Điều 4, Điều 6 của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT và các QCVN hiện hành có liên quan, bao gồm:

a) Đặc kiểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ giám sát kỹ thuật đóng mới tàu biển tại Chương I Phụ lục kèm theo dự thảo Thông tư *(theo quy định tại khoản 3 Điều 4 và điểm a khoản 1 Điều 6 của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT)*;

b) Đặc kiểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ thẩm định thiết kế tàu biển tại Chương II Phụ lục kèm theo dự thảo Thông tư *(theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT)*;

c) Đặc kiểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm định chu kỳ tàu biển (bao gồm kiểm định định kỳ, kiểm định hàng năm, kiểm định trung gian, kiểm định trên đà) tại Chương III Phụ lục kèm theo dự thảo Thông tư *(theo quy định tại khoản 3 Điều 4 và điểm b khoản 1 Điều 6 của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT)*;

d) Đặc kiểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ duyệt các tài liệu hướng dẫn tàu biển tại Chương IV Phụ lục kèm theo dự thảo Thông tư *(theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT)*;

đ) Đặc kiểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm định bất thường tàu biển *(theo quy định tại khoản 3 Điều 4 và điểm c khoản 1 Điều 6 của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT)*;

e) Đặc kiểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ giám sát kỹ thuật sửa chữa, hoán cải tàu biển *(theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT)*;

g) Đặc kiểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý

an toàn theo bộ luật quản lý an toàn quốc tế (Bộ luật ISM) và phê duyệt, kiểm tra, đánh giá và chứng nhận lao động hàng hải theo *Công ước lao động hàng hải năm 2006 (Công ước MLC 2006) được xây dựng theo các căn cứ quy định tại khoản 4, khoản 8 Điều 4, Điều 11 và Điều 12 của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT; Điều 4 và điều 5 của Thông tư 43/2015/TT-BGTVT*. Cơ sở xây dựng đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý an toàn công ty theo Bộ luật quản lý an toàn quốc tế (Bộ luật ISM) được phân chia thành nhóm công ty có từ 7 người trở xuống và nhóm công ty có từ 8 người trở lên, cụ thể:

(i) Đối với công ty quy mô nhỏ, thường quản lý 01 loại tàu và số lượng dưới 3 tàu hoạt động quốc tế, có cơ cấu tổ chức thường đơn giản, khoảng 7 người để vận hành hệ thống quản lý an toàn của công ty (gồm 01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc, 01 nhân viên phụ trách hệ thống quản lý an toàn, 01 nhân viên phòng an toàn, pháp chế, 01 nhân viên phòng kỹ thuật, vật tư, 01 nhân viên phòng nhân sự, thuyền viên và 01 nhân viên phòng khai thác). Hệ thống quản lý an toàn của công ty tập trung vào các quy trình cốt lõi và ít tầng lớp quản lý. Khi thực hiện đánh giá công ty quy mô nhỏ thời gian đánh giá ít hơn so với công ty quy mô lớn.

(ii) Đối với công ty quy mô lớn, thường quản lý từ 3 tàu trở lên hoặc quản lý nhiều loại tàu, hệ thống quản lý an toàn phức tạp hơn, cần các quy trình chi tiết, phân công trách nhiệm rõ ràng cho các phòng ban, các kênh liên lạc đa dạng. Để vận hành hệ thống quản lý an toàn một cách hiệu quả cần nhiều cán bộ, nhân viên tham gia vào hệ thống quản lý an toàn của công ty (ít nhất từ 8 người trở lên).

Chi tiết căn cứ quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Công ước quốc tế liên quan để xây dựng các tên gọi chi tiết đặc điểm kinh tế - kỹ thuật và chủng loại/đặc điểm cơ bản của các dịch vụ đăng kiểm tàu biển tại **Phụ lục** kèm theo.

2.2. Đơn vị tính đối với dịch vụ đăng kiểm tàu biển

Các đại lượng làm đơn vị tính giá dịch vụ đăng kiểm tàu biển quy định tại Thông tư số 234/2016/TT-BGTVT được kế thừa để làm đơn vị tính giá dịch vụ đăng kiểm tàu biển các đơn vị tính cho các dịch vụ cụ thể như sau:

a) Dịch vụ giám sát kỹ thuật đóng mới tàu biển, kiểm định chu kỳ tàu biển, duyệt tài liệu hướng dẫn tàu biển (gồm có phần thân, trang thiết bị, phần hệ thống lâu lái, phần mạn khô, phần trang thiết bị an toàn, phần hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm khu vực buồng máy, phần hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm do chất lỏng độc chở xô, phần hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm do nước thải, phần hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm do rác thải, phần chứng nhận điều kiện sinh hoạt của thuyền viên, phần hệ thống chống hà, phần hệ thống xử lý nước dằn, phần kiểm soát tiếng ồn, đo dung tích tàu biển): đơn vị tính là hệ số tổng dung tích;

b) Dịch vụ giám sát kỹ thuật đóng mới phần hệ thống máy tàu biển, kiểm định chu kỳ hệ thống máy tàu biển: đơn vị tính là hệ số tổng công suất máy chính và các máy phụ;

c) Dịch vụ giám sát kỹ thuật đóng mới phần trang thiết bị điện, kiểm định chu kỳ phần trang thiết bị điện: đơn vị tính là hệ số tổng công suất định mức của các máy phát điện;

d) Dịch vụ giám sát kỹ thuật đóng mới phần nồi hơi: đơn vị tính là hệ số sản lượng hơi;

đ) Dịch vụ giám sát kỹ thuật đóng mới phần hệ thống tự động và điều khiển từ xa, kiểm định chu kỳ hệ thống tự động và điều khiển từ xa: đơn vị tính là hệ số tổng công suất máy chính;

e) Dịch vụ giám sát kỹ thuật đóng mới phần trang bị vô tuyến điện, kiểm định chu kỳ phần trang bị vô tuyến điện: đơn vị tính là hệ số vùng hoạt động;

g) Dịch vụ giám sát kỹ thuật đóng mới phần hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm do dầu, hệ thống rửa bằng dầu thô, phần sử dụng năng lượng hiệu quả (EE), kiểm định chu kỳ phần hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm do dầu, hệ thống rửa bằng dầu thô, phần sử dụng năng lượng hiệu quả (EE): đơn vị tính là hệ số trọng tải toàn phần;

h) Dịch vụ giám sát kỹ thuật đóng mới phần thiết bị nâng, kiểm định chu kỳ phần thiết bị nâng: đơn vị tính là hệ số tải trọng làm việc an toàn;

i) Dịch vụ thẩm định thiết kế đóng mới tàu biển, thẩm định thiết kế cho các tàu biển có cùng loại, thiết kế duyệt lại, thiết kế sửa đổi, thẩm định thiết kế hoán cải tàu biển, phê duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật đối với kiểm tra lần đầu tàu biển đang khai thác: đơn vị tính là 01 tàu biển;

k) Dịch vụ kiểm tra hoán kiểm định định kỳ, kiểm định bất thường, giám sát kỹ thuật hoán cải, sửa chữa tàu biển: đơn vị tính là số lần thực hiện công việc;

l) Dịch vụ đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý an toàn theo bộ luật quản lý an toàn quốc tế (Bộ luật ISM) và phê duyệt, kiểm tra, đánh giá và chứng nhận lao động hàng hải theo công ước lao động hàng hải năm 2006 (Công ước MLC 2006): đơn vị tính là 01 lần đánh giá công ty hoặc 01 lần đánh giá tàu hoặc 01 lần phê duyệt.

Từ cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc ban hành Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đăng kiểm tàu biển là cần thiết và đủ cơ sở pháp lý.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Mục đích ban hành Thông tư

Việc xây dựng, ban hành Thông tư này quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đăng kiểm tàu biển để bảo đảm thực hiện quy định pháp luật về giá (Luật Giá số 16/2023/QH15, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá) và phục vụ công tác quản lý của Bộ Xây dựng trong hoạt động đăng kiểm.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Thông tư

- Tuân thủ, cụ thể hóa quy định của Luật Giá số 16/2023/QH15 về Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.

- Kế thừa các quy định hiện hành đã được thực hiện ổn định, phù hợp về cơ bản đã đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong thời gian qua.

- Đảm bảo tính tương thích, tuân thủ quy định các điều ước quốc tế trong lĩnh vực đăng kiểm mà Việt Nam là thành viên.

- Đảm bảo tính hợp lý, thống nhất giữa các điều khoản của Thông tư, tính thống nhất của hệ thống pháp luật và tính khả thi trong thực hiện.

- Bảo đảm cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ phục vụ hiệu quả cho hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành trong lĩnh vực đăng kiểm.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Thực hiện Quyết định số 417/QĐ-BXD ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 của Bộ Xây dựng, Cục Đăng kiểm Việt Nam (ĐKVN) đã ban hành Quyết định số 527/QĐ-ĐKVN ngày 15/4/2025 của Cục trưởng Cục ĐKVN ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 của Cục ĐKVN và thành lập Tổ Soạn thảo xây dựng Thông tư quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đăng kiểm tàu biển; phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển dầu khí trên biển (Quyết định số 537/QĐ-ĐKVN ngày 15/4/2025).

2. Ngày 16/4/2025, Cục ĐKVN đã trình Bộ Xây dựng Đề cương chi tiết Thông tư quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đăng kiểm tàu biển; phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển dầu khí trên biển (văn bản số 1739/ĐKVN-TB ngày 16/4/2025).

3. Ngày 18/4/2025, Bộ Xây dựng đã có công văn số 2290/BXD-KHCNMT&VLXD về việc chấp thuận Đề cương chi tiết Thông tư quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đăng kiểm tàu biển và phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển dầu khí trên biển.

4. Ngày 17/6/2025, Cục ĐKVN trình Bộ Xây dựng hồ sơ dự thảo Thông tư quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đăng kiểm tàu biển (Công văn số 3027/ĐKVN-TB).

5. .v.v.

Đến nay, Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng và Cục ĐKVN đã tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Thông tư quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đăng kiểm tàu biển.

6. Về việc điều chỉnh tên, bố cục của dự thảo Thông tư so với Đề cương chi tiết được chấp thuận

a) Điều chỉnh tên dự thảo Thông tư “Thông tư quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đăng kiểm tàu biển và phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển dầu khí trên biển” theo Đề cương chi tiết được Bộ Xây dựng chấp thuận thành **“Thông tư quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đăng kiểm tàu biển”**.

Lý do:

Trong phạm vi đối tượng phải định giá tối đa quy định tại mục 8 Phụ lục 2 của Luật Giá số 16/2023/QH15 có quy định dịch vụ kiểm định phương tiện, thiết bị thăm

dò, khai thác vận chuyển trên biển. Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng dự thảo Thông tư, Vụ Khoa học công nghệ, Môi trường và Vật liệu xây dựng và Cục ĐKVN nhận thấy một số quy định của pháp luật chuyên ngành về kiểm định phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác vận chuyển trên biển cần thiết phải được rà soát, bổ sung sửa đổi để có cơ sở pháp lý đầy đủ để Bộ Xây dựng ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện mục 8 Phụ lục 2 của Luật Giá số 16/2023/QH15 về dịch vụ kiểm định phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác vận chuyển trên biển như sau:

- Công tác đăng kiểm phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển trên biển (kho chứa nổi và giàn di động) được quy định tại Điều 33 Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015 và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan do Bộ trưởng Bộ GTVT (nay là Bộ Xây dựng) ban hành.

- Công tác đăng kiểm phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển trên biển (giàn cố định, đường ống biển, phao neo dầu khí) được quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan do Bộ trưởng Bộ GTVT (nay là Bộ Xây dựng) ban hành.

- Thông tư số 33/2011/TT-BGTVT ngày 19/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (Hiện tại là Bộ Xây dựng) quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế và giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển bao gồm các công trình biển di động, kho chứa nổi, công trình biển cố định, phao neo, hệ thống đường ống biển và các máy, thiết bị có liên quan (gọi tắt là công trình biển) hoạt động ở nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Điều 4 Thông tư số 33/2011/TT-BGTVT quy định Căn cứ kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường công trình biển là các quy định của văn bản quy phạm pháp luật, quy phạm, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam và công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có liên quan đến các yêu cầu về đảm bảo chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tương ứng với từng loại công trình biển quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

- Điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư số 33/2011/TT-BGTVT quy định Cơ quan Đăng kiểm thực hiện kiểm tra: nếu kết quả kiểm tra chưa đạt yêu cầu thì trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để hoàn thiện; nếu kết quả kiểm tra đạt yêu cầu thì tiến hành cấp các Giấy chứng nhận đối với từng loại công trình biển tương ứng tại Phụ lục II theo mẫu từ Phụ lục V đến Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.

Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, bao gồm Thông tư số 33/2011/TT-BGTVT không quy định cụ thể nội dung kiểm định phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển dầu khí trên biển mà chỉ quy định việc kiểm tra và thẩm định thiết kế để cấp các giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển trên biển.

Do đó, Vụ Khoa học công nghệ, Môi trường và Vật liệu xây dựng và Cục ĐKVN đề xuất chưa quy định các nội dung liên quan đến đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm định phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển dầu khí trên

biển tại Dự thảo Thông tư này và thay đổi tên thành "Thông tư quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đăng kiểm tàu biển". Cục ĐKVN sẽ đề xuất Bộ Xây dựng hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác kiểm định phương tiện, thiết bị, thăm dò, khai thác, vận chuyển dầu khí trên biển để làm cơ sở ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật liên quan.

b) Về bố cục của dự thảo Thông tư

- Bỏ Điều 2 (Giải thích từ ngữ) vì trong quá trình soạn thảo, xây dựng dự thảo Thông tư sau khi đã điều chỉnh tên và đối tượng như nêu tại điểm a mục 4 này thì không phát sinh các từ ngữ cần phải giải thích, làm rõ trong nội dung dự thảo Thông tư.

- Ghép Điều 3 và Điều 4 thành Điều 2 và thay đổi tên Điều 2 thành “Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đăng kiểm tàu biển” do đã bỏ không ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm định phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển dầu khí trên biển.

- Điều chỉnh số thứ tự Điều 5 thành Điều 3 cho phù hợp với các điều chỉnh nêu trên.

c) Việc thay đổi tên, bố cục của dự thảo Thông tư sẽ làm thay đổi phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Thông tư theo hướng chỉ quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đăng kiểm tàu biển.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đăng kiểm tàu biển (trừ tàu biển phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh và tàu cá).

b) Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến dịch vụ đăng kiểm tàu biển.

2. Bố cục của dự thảo Thông tư

Thông tư được bố cục gồm các phần chính như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2. Đặc điểm kinh tế-kỹ thuật dịch vụ đăng kiểm tàu biển

Điều 3. Điều khoản thi hành và tổ chức thực hiện

4. Nội dung cơ bản

a) Phạm vi điều chỉnh: “Thông tư này quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đăng kiểm tàu biển (trừ tàu biển phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh và tàu cá).”

b) Đối tượng áp dụng: “Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến dịch vụ đăng kiểm tàu biển.”

c) Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đăng kiểm tàu biển được quy định tại Phụ lục kèm theo của dự thảo Thông tư, bao gồm 7 Chương (từ Chương I đến Chương VII), cụ thể như sau:

(i) Chương I quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ giám sát kỹ thuật đóng mới tàu biển gồm có 21 đặc điểm kinh tế - kỹ thuật thành phần, trong đó có 193 đặc điểm kinh tế - kỹ thuật chi tiết.

(ii) Chương II quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ thẩm định thiết kế tàu biển, gồm có 04 đặc điểm kinh tế - kỹ thuật chi tiết.

(iii) Chương III quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm định chu kỳ tàu biển gồm có 19 Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật thành phần, trong đó có 367 đặc điểm kinh tế - kỹ thuật chi tiết.

(iv) Chương IV quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ duyệt tài liệu hướng dẫn tàu biển gồm có 05 đặc điểm kinh tế - kỹ thuật chi tiết.

(v) Chương V quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm định bất thường, gồm có 01 đặc điểm kinh tế - kỹ thuật chi tiết.

(vi) Chương VI quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ giám sát sửa chữa, hoán cải tàu biển, gồm có 02 đặc điểm kinh tế - kỹ thuật chi tiết.

(vii) Chương VII quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý an toàn theo Bộ luật ISM và phê duyệt, kiểm tra, đánh giá và chứng nhận lao động hàng hải theo Công ước MLC 2006, gồm có 27 đặc điểm kinh tế - kỹ thuật chi tiết.

d) Thông tư không quy định thủ tục hành chính.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản

a) Dự kiến nguồn lực thi hành

Sau khi Thông tư được ban hành, dự kiến kinh phí triển khai Thông tư bao gồm: Kinh phí tuyên truyền, phổ biến Thông tư, kinh phí kiểm tra, giám sát thực hiện Thông tư được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

b) Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành

- Tuyên truyền, phổ biến Thông tư: Cục ĐKVN, các Chi cục đăng kiểm tàu biển trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện tuyên truyền, phổ biến Thông tư kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện:

+ Nguồn kinh phí thực hiện tuyên truyền, phổ biến Thông tư đã được nêu tại mục a) nêu trên;

+ Nguồn nhân lực thực hiện: Cục ĐKVN trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ bố trí lãnh đạo, chuyên viên có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực tuyên truyền, phổ biến Thông tư.

- Giám sát, kiểm tra, theo dõi thi hành Thông tư: Cục ĐKVN thực hiện kiểm tra, giám sát, theo dõi thi hành Thông tư theo quy định.

2. Thời gian trình thông qua/ban hành

Theo Quyết định số 417/QĐ-BXD ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 của Bộ Xây dựng, thời gian trình Bộ và trình Bộ trưởng cụ thể như sau:

- Thời gian trình Bộ Xây dựng Đề cương chi tiết: trong tháng 4/2025.
- Thời gian trình Bộ Xây dựng dự thảo Thông tư: trong tháng 6/2025.
- Thời gian trình Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng thẩm định dự thảo văn bản: tháng 8/2025.
- Thời gian trình Bộ trưởng: tháng 9/2025

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Thông tư quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đăng kiểm tàu biển, Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng kính trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục ĐKVN (để p/h);
- Lưu: v.v. .

VỤ TRƯỞNG

Lê Trung Thành

Phụ lục

**CƠ SỞ XÂY DỰNG DANH MỤC ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - KỸ THUẬT
DỊCH VỤ ĐĂNG KIỂM TÀU BIỂN**

*(Kèm theo Tờ trình số/TTr-KHCNMT& VLXD ngày tháng năm 2025 của Vụ
Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng)*

**1. Cơ sở xây dựng danh mục đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ giám sát
kỹ thuật đóng mới tàu biển**

STT	Tên gọi chi tiết	Văn bản quy phạm pháp luật	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Công ước quốc tế
1	Dịch vụ giám sát kỹ thuật đóng mới phần thân và trang thiết bị tàu biển	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	2.1.4.1 Phần 1B QCVN 21:2025/BGTVT
2	Dịch vụ giám sát kỹ thuật đóng mới phần hệ thống máy tàu biển	Khoản 3, Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	2.1.4.2 Phần 1B QCVN 21:2025/BGTVT
3	Dịch vụ giám sát kỹ thuật đóng mới nồi hơi tàu biển	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	2.1.4.2 Phần 1B QCVN 21:2025/BGTVT
4	Dịch vụ giám sát kỹ thuật đóng mới trang thiết bị điện tàu biển	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	2.1.4.2 Phần 1B QCVN 21:2025/BGTVT
5	Dịch vụ giám sát kỹ thuật đóng mới hệ thống tự động và điều khiển từ xa tàu biển	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	2.1.1 Chương 2 QCVN 60:2019/BGTVT
6	Dịch vụ giám sát kỹ thuật đóng mới hệ thống lầu lái tàu biển	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	2.1.1 Chương 2 QCVN 62:2013/BGTVT
7	Dịch vụ giám sát kỹ thuật đóng mới mạn khô tàu biển	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- 1.4.3 Chương 1 Phần 11 QCVN 21:2025/BGTVT - Công ước quốc tế về mạn khô, 1966 (Load Line)
8	Dịch vụ giám sát kỹ thuật đóng mới trang thiết bị an toàn tàu biển	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- 1.2 Chương 1 QCVN 42:2015/BGTVT và các sửa đổi, bổ sung - Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS)

STT	Tên gọi chi tiết	Văn bản quy phạm pháp luật	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Công ước quốc tế
9	Dịch vụ giám sát kỹ thuật đóng mới trang bị vô tuyến điện tàu biển	Khoản 3, Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- 1.2 Chương 1 QCVN 42:2015/BGTVT và các sửa đổi, bổ sung - Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS)
10	Dịch vụ giám sát kỹ thuật đóng mới đóng mới hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm do dầu từ tàu biển	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- 1.1.2 Chương 1 QCVN 26:2024/BGTVT - Phụ lục I Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm biển do tàu gây ra (MARPOL)
11	Dịch vụ giám sát kỹ thuật đóng mới hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm do chất lỏng độc chở xô từ tàu biển	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- 1.1.2 Chương 1 QCVN 26:2024/BGTVT - Phụ lục II Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm biển do tàu gây ra (MARPOL)
12	Dịch vụ giám sát kỹ thuật đóng mới hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm do nước thải từ tàu biển	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- 1.1.2 Chương 1 QCVN 26:2024/BGTVT; - Phụ lục IV Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm biển do tàu gây ra (MARPOL)
13	Dịch vụ giám sát kỹ thuật đóng mới hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm không khí từ tàu biển	Khoản 3, Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- 1.1.2 Chương 1 QCVN 26:2024/BGTVT - Phụ lục VI Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm biển do tàu gây ra (MARPOL)
14	Dịch vụ giám sát kỹ thuật đóng mới phần sử dụng năng lượng hiệu quả (EE) của tàu biển	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- 1.1.2 Chương 1 QCVN 26:2024/BGTVT - Phụ lục VI Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm biển do tàu gây ra (MARPOL)
15	Dịch vụ giám sát kỹ thuật đóng mới hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm do rác thải từ tàu biển	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- 1.1.2 Chương 1 QCVN 26:2024/BGTVT - Phụ lục V Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm

STT	Tên gọi chi tiết	Văn bản quy phạm pháp luật	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Công ước quốc tế
			biển do tàu gây ra (MARPOL)
16	Dịch vụ giám sát kỹ thuật đóng mới phần chứng nhận điều kiện sinh hoạt của thuyền viên tàu biển	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- 2.1.4 Chương 2 QCVN 21:2025/BGTVT và Phần 13 QCVN 21:2025/BGTVT - Công ước lao động hàng hải năm 2006 (Công ước MLC 2006)
17	Dịch vụ giám sát kỹ thuật đóng mới hệ thống chống hà tàu biển	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- 2.1.1 Chương 2 QCVN 74:2024/BGTVT - Công ước quốc tế về kiểm soát hệ thống chống hà độc hại của tàu năm, 2001 (Công ước AFS, 2001)
18	Dịch vụ giám sát kỹ thuật đóng mới thiết bị nâng lắp đặt trên tàu biển	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- 2.2.1 Chương 2 QCVN 23:2016/BGTVT
19	Dịch vụ giám sát kỹ thuật đóng mới hệ thống xử lý nước dằn tàu biển	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- 2.1.2 Chương 2 QCVN 99:2017/BGTVT - Công ước quốc tế về kiểm soát và quản lý nước dằn và cặn nước dằn tàu biển, 2004 (Công ước BWM, 2004)
20	Dịch vụ giám sát kỹ thuật đóng mới kiểm soát tiếng ồn tàu biển	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- QCVN 80:2014/BGTVT - Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS).
21	Dịch vụ đo dung tích tàu biển	Điều 35 Bộ luật Hàng hải 2015	- 2.1.3 QCVN 63:2013/BGTVT; - 1.4.1 Phần III QCVN 48:2024/BGTVT; - 1.4.1 Phần III QCVN 70: 2024/BGTVT; - Công ước quốc tế về đo dung tích tàu biển, 1969 (Công ước Tonnage, 1969).

2. Cơ sở xây dựng danh mục đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ thẩm định thiết kế tàu biển

STT	Tên gọi chi tiết	Văn bản quy phạm pháp luật	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Công ước quốc tế
1	Dịch vụ thẩm định thiết kế đóng mới tàu biển	Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT.	- QCVN 21:2025/BGTVT; - QCVN 03:2025/BGTVT; - QCVN 26:2024/BGTVT; - QCVN 42:2015/BGTVT; - QCVN 54:2019/BGTVT; - QCVN 56:2013/BGTVT; - QCVN 60:2019/BGTVT; - QCVN 62:2013/BGTVT; - QCVN 74:2024/BGTVT; - QCVN 80:2014/BGTVT; - QCVN 92:2015/BGTVT; - QCVN 99:2017/BGTVT; - Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm biển do tàu gây ra (MARPOL); - Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS).
2	Dịch vụ thẩm định thiết kế cho các tàu có cùng loại, thiết kế duyệt lại, thiết kế sửa đổi	Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT.	- QCVN 21:2025/BGTVT; - QCVN 03:2025/BGTVT; - QCVN 26:2024/BGTVT; - QCVN 42:2015/BGTVT; - QCVN 54:2019/BGTVT; - QCVN 56:2013/BGTVT; - QCVN 60:2019/BGTVT; - QCVN 62:2013/BGTVT; - QCVN 74:2024/BGTVT; - QCVN 80:2014/BGTVT; - QCVN 92:2015/BGTVT; - QCVN 99:2017/BGTVT; - Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm biển do tàu gây ra (MARPOL); - Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người

STT	Tên gọi chi tiết	Văn bản quy phạm pháp luật	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Công ước quốc tế
			trên biển 1974 (Công ước SOLAS).
3	Dịch vụ thẩm định thiết kế hoán cải tàu biển	Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT. Điểm c khoản 1, khoản 7 Điều 5 và khoản 1 Điều 7 Thông tư số 33/2011/TT-BGTVT.	- QCVN 21:2025/BGTVT; - QCVN 03:2025/BGTVT; - QCVN 26:2024/BGTVT; - QCVN 42:2015/BGTVT; - QCVN 54:2019/BGTVT; - QCVN 56:2013/BGTVT; - QCVN 60:2019/BGTVT; - QCVN 62:2013/BGTVT; - QCVN 70: 2024/BGTVT; - QCVN 74:2024/BGTVT; - QCVN 92:2015/BGTVT; - QCVN 99:2017/BGTVT; - Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm biển do tàu gây ra (MARPOL); - Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS).
4	Dịch vụ phê duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật đối với kiểm tra lần đầu tàu biển	Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT.	- QCVN 21:2025/BGTVT; - QCVN 03:2025/BGTVT; - QCVN 26:2024/BGTVT; - QCVN 42:2015/BGTVT, Sửa đổi 1:2017 QCVN 42:2015/BGTVT ; - QCVN 54:2019/BGTVT; - QCVN 56:2013/BGTVT; - QCVN 60:2019/BGTVT; - QCVN 62:2013/BGTVT; - QCVN 70: 2024/BGTVT; - QCVN 74:2024/BGTVT; - QCVN 92:2015/BGTVT; - QCVN 99:2017/BGTVT; - Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm biển do tàu gây ra (MARPOL); - Công ước quốc tế về an

STT	Tên gọi chi tiết	Văn bản quy phạm pháp luật	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Công ước quốc tế
			toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS).

3. Cơ sở xây dựng danh mục đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm định chu kỳ tàu biển

STT	Tên gọi chi tiết	Văn bản quy phạm pháp luật	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Công ước quốc tế
1	Dịch vụ kiểm định chu kỳ phần thân tàu và trang thiết bị tàu biển	Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT.	- 3.2 Chương 3 Phần 1 B QCVN21:2025/BGTVT; - 4.2 Chương 4 Phần 1 B QCVN21:2025/BGTVT; - 5.2 Chương 5 Phần 1 B QCVN21:2025/BGTVT.
2	Dịch vụ kiểm định chu kỳ phần hệ thống máy tàu biển	Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT.	-3.3 Chương 3 Phần 1 B QCVN21:2025/BGTVT; - 4.3 Chương 4 Phần 1 B QCVN21:2025/BGTVT; - 5.3 Chương 5 Phần 1 B QCVN21:2025/BGTVT; - 9.1.3 Chương 9 Phần 1 B QCVN21:2025/BGTVT; - 9.1.4 Chương 9 Phần 1 B QCVN21:2025/BGTVT.
3	Dịch vụ kiểm định chu kỳ phần trang thiết bị điện tàu biển	Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT.	- 3.3 Chương 3 Phần 1 B QCVN21:2025/BGTVT; - 4.3 Chương 4 Phần 1 B QCVN21:2025/BGTVT; - 5.3 Chương 5 Phần 1 B QCVN21:2025/BGTVT.
4	Dịch vụ kiểm định trên đà và hoãn kiểm định trên đà	Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT.	- 6.1 Chương 6 Phần 1B QCVN21:2025/BGTVT; - 1.1.5 Chương 1 Phần 1B QCVN21:2025/BGTVT.
5	Dịch vụ kiểm định chu kỳ nồi hơi và thiết bị hâm nóng dầu	Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT.	- 7.1 Chương 7 Phần 1B QCVN21:2025/BGTVT; - 1.1.5 Chương 1 Phần 1B QCVN25:2025/BGTVT.
6	Dịch vụ kiểm định chu kỳ	Khoản 2 Điều 4	- Chương 8 Phần 1B

STT	Tên gọi chi tiết	Văn bản quy phạm pháp luật	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Công ước quốc tế
	trục chân vịt và hoãn kiểm định trục chân vịt	Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT;	QCVN21:2025/BGTVT; - 1.1.5 Chương 1 Phần 1B QCVN21:2025/BGTVT.
7	Dịch vụ kiểm định chu kỳ hệ thống tự động và điều khiển từ xa	Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT.	-2.1.1 Chương 2 QCVN 60:2019/BGTVT; -2.1.1 Chương 2 QCVN 60:2019/BGTVT.
8	Dịch vụ kiểm định chu kỳ hệ thống lái	Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT.	2.1.1 Chương 2 QCVN 62:2013/BGTVT;
9	Dịch vụ kiểm định chu kỳ phần mạn khô	Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT.	- 1.4.3 Chương 1 Phần 11 QCVN25:2025/BGTVT; - Công ước quốc tế về mạn khô tàu biển, 1966 (Công ước Load Lines,1966).
10	Dịch vụ kiểm định chu kỳ phần an toàn trang thiết bị	Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT.	- 1.3.3 Chương 1 II Quy định kỹ thuật QCVN42:2015/BGTVT, Sửa đổi 1:2017 QCVN42:2015/BGTVT; - Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS).
11	Dịch vụ kiểm định chu kỳ phần an toàn vô tuyến điện	Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT.	- 1.3.3.3 Chương 1 II Quy định kỹ thuật QCVN42:2015/BGTVT, Sửa đổi 1:2017 QCVN42:2015/BGTVT; - Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS).
12	Dịch vụ kiểm định phần hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm do dầu	Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT.	- 3.1 Chương 3 Phần 2 QCVN 26:2024/BGTVT; - 3.2 Chương 3 Phần 2 QCVN 26:2024/BGTVT; - 3.3 Chương 3 Phần 2 QCVN 26:2024/BGTVT; - Phụ lục I Công ước quốc

STT	Tên gọi chi tiết	Văn bản quy phạm pháp luật	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Công ước quốc tế
			tế về ngăn ngừa ô nhiễm biển do tàu gây ra (MARPOL).
13	Dịch vụ kiểm định chu kỳ phân hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm do chất lỏng độc chở xô	Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT.	- 3.1 Chương 3 Phần 2 QCVN 26:2024/BGTVT; - 3.3 Chương 3 Phần 2 QCVN 26:2024/BGTVT; - Phụ lục II Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm biển do tàu gây ra (MARPOL).
14	Dịch vụ kiểm định định kỳ phân hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm do nước thải	Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT.	- 3.3 Chương 3 Phần 2 QCVN 26:2024/BGTVT; - Phụ lục IV Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm biển do tàu gây ra (MARPOL).
15	Dịch vụ kiểm định chu kỳ phân hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm không khí	Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT.	- 3.1 Chương 3 Phần 2 QCVN 26:2024/BGTVT; - 3.2 Chương 3 Phần 2 QCVN 26:2024/BGTVT; - 3.3 Chương 3 Phần 2 QCVN 26:2024/BGTVT; - Phụ lục VI Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm biển do tàu gây ra (MARPOL).
16	Dịch vụ kiểm định chu kỳ phân hệ thống chống hà	Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT.	- 2.1 Chương 2 QCVN 74:2024/BGTVT - Công ước quốc tế về kiểm soát các hệ thống chống hà độc hại của tàu, 2001 (Công ước AFS, 2001).
17	Dịch vụ kiểm định chu kỳ phân thiết bị nâng	Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- 2.2.1 Chương 2 QCVN 23:2016/BGTVT.
18	Dịch vụ kiểm định chu kỳ phân hệ thống xử lý nước dằn	Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT.	- 4.1 Chương 4 QCVN 99:2017/BGTVT. - 4.2 Chương 4 QCVN 99:2017/BGTVT;

STT	Tên gọi chi tiết	Văn bản quy phạm pháp luật	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Công ước quốc tế
			- 4.3 Chương 4 QCVN 99:2017/BGTVT; - Công ước quốc tế về kiểm soát và quản lý nước dẫn và cặn nước dẫn tàu biển, 2004 (Công ước BWM, 2004).
19	Dịch vụ hoãn kiểm tra định kỳ	Khoản 3, Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- 1.1.5 Phần 1B Chương 1 - QCVN21:2025/BGTVT.

4. Cở sở xây dựng danh mục đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ duyệt tài liệu hướng dẫn tàu biển

STT	Tên gọi chi tiết	Văn bản quy phạm pháp luật	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Công ước quốc tế
1	Dịch vụ phê duyệt tài liệu, hướng dẫn khai thác an toàn tàu biển	Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- QCVN 21:2025/BGTVT; - QCVN 42:2015/BGTVT, Sửa đổi 1:2017 QCVN 42:2015/BGTVT; - QCVN 26:2024/BGTVT; - QCVN 71:2013/BGTVT; - QCVN 73:2019/BGTVT; - QCVN 99:2017/BGTVT; - QCVN 100:2018/BGTVT; - Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm biển do tàu gây ra (MARPOL); - Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS); - Công ước quốc tế về kiểm soát và quản lý nước dẫn và cặn nước dẫn tàu biển, 2004 (Công ước BWM, 2004).

5. Cở sở xây dựng danh mục đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm định bất thường

STT	Tên gọi chi tiết	Văn bản quy phạm pháp luật	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Công ước quốc tế
1	Dịch vụ kiểm định bất thường tàu biển	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- 1.1.2 Phần 1B Chương 1 QCVN21:2025/BGTVT - Công ước quốc tế về mạn khô, 1966 (Công ước Load Lines 1966); - Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm biển do tàu gây ra (MARPOL); - Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS); - Công ước quốc tế về kiểm soát các hệ thống chống hà độc hại của tàu, 2001 (Công ước AFS, 2001); - Công ước quốc tế về kiểm soát và quản lý nước dẫn và cặn nước dẫn tàu biển, 2004 (Công ước BWM, 2004).

6. Cở sở xây dựng danh mục đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ giám sát kỹ thuật sửa chữa, hoán cải tàu biển

STT	Tên gọi chi tiết	Văn bản quy phạm pháp luật	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Công ước quốc tế
1	Dịch vụ giám sát hoán cải tàu biển	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- 1.1.2 Phần 1B Chương 1 QCVN21:2025/BGTVT; - Công ước quốc tế về mạn khô, 1966 (Công ước Load Lines 1966); - Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm biển do tàu gây ra (MARPOL); - Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS);

STT	Tên gọi chi tiết	Văn bản quy phạm pháp luật	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Công ước quốc tế
			- Công ước quốc tế về kiểm soát các hệ thống chống hà độc hại của tàu, 2001 (Công ước AFS, 2001); - Công ước quốc tế về kiểm soát và quản lý nước dẫn và cặn nước dẫn tàu biển, 2004 (Công ước BWM, 2004).
2	Dịch vụ giám sát chữa chữa tàu biển	Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- 1.1.2 Phần 1B Chương 1 QCVN21:2025/BGTVT; - Công ước quốc tế về mạn khô, 1966 (Công ước Load Lines 1966); - Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm biển do tàu gây ra (MARPOL); - Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển 1974 (Công ước SOLAS); - Công ước quốc tế về kiểm soát các hệ thống chống hà độc hại của tàu, 2001 (Công ước AFS, 2001); - Công ước quốc tế về kiểm soát và quản lý nước dẫn và cặn nước dẫn tàu biển, 2004 (Công ước BWM, 2004).

7. Cở sở xây dựng danh mục đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý an toàn theo bộ luật quản lý an toàn quốc tế (Bộ luật ISM) và phê duyệt, kiểm tra, đánh giá và chứng nhận lao động hàng hải theo công ước lao động hàng hải năm 2006 (Công ước MLC 2006)

STT	Tên gọi chi tiết	Văn bản quy phạm pháp luật	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Công ước quốc tế
1	Dịch vụ đánh giá lần đầu để cấp Giấy chứng nhận phù hợp (DOC) Công ty	Khoản 5 Điều 11 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- 2.1.1.1, Chương 2, Mục 2, Phần II, QCVN71: 2013/BGTVT; - Bộ luật quản lý an toàn

STT	Tên gọi chi tiết	Văn bản quy phạm pháp luật	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Công ước quốc tế
			quốc tế (Bộ luật ISM).
2	Dịch vụ đánh giá hàng năm để xác nhận Giấy chứng nhận phù hợp (DOC) Công ty	Khoản 5 Điều 11 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- 2.1.1.2, Chương 2, Mục 2, Phần II, QCVN71: 2013/BGTVT; - Bộ luật quản lý an toàn quốc tế (Bộ luật ISM).
4	Dịch vụ đánh giá cấp mới Giấy chứng nhận phù hợp (DOC) Công ty	Khoản 5 Điều 11, Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	2.1.1.3, Chương 2, Mục 2, Phần II, QCVN 71 : 2013/BGTVT; - Bộ luật quản lý an toàn quốc tế (Bộ luật ISM).
5	Dịch vụ đánh giá sơ bộ để cấp Giấy chứng nhận phù hợp (DOC) tạm thời Công ty	Khoản 5, điều 11, Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	-2.1.1.5, Chương 2, Mục 2, Phần II, QCVN71: 2013/BGTVT; - Bộ luật quản lý an toàn quốc tế (Bộ luật ISM).
6	Dịch vụ đánh giá bất thường hệ thống quản lý an toàn Công ty	Khoản 5 Điều 11 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	-2.1.1.4, Chương 2, Mục 2, Phần II, QCVN71: 2013/BGTVT; - Bộ luật quản lý an toàn quốc tế (Bộ luật ISM).
7	Dịch vụ đánh giá lần đầu để cấp Giấy chứng nhận quản lý an toàn (SMC)	Khoản 5 Điều 12 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	-2.1.1.1, Chương 2, Mục 2, Phần II, QCVN71: 2013/BGTVT; - Bộ luật quản lý an toàn quốc tế (Bộ luật ISM).
8	Dịch vụ đánh giá trung gian để xác nhận Giấy chứng nhận quản lý an toàn (SMC)	Khoản 5 Điều 12 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	-2.1.1.2, Chương 2, Mục 2, Phần II, QCVN71: 2013/BGTVT; - Bộ luật quản lý an toàn quốc tế (Bộ luật ISM)
9	Dịch vụ đánh giá cấp mới Giấy chứng nhận quản lý an toàn (SMC)	Khoản 5 Điều 12 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	-2.1.1.3, Chương 2, Mục 2, Phần II, QCVN71: 2013/BGTVT; - Bộ luật quản lý an toàn quốc tế (Bộ luật ISM).
10	Dịch vụ đánh giá sơ bộ để cấp Giấy chứng nhận quản lý an toàn (SMC) tạm thời	Khoản 5 Điều 12 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	- 2.1.1.5, Chương 2, Mục 2, Phần II, QCVN71: 2013/BGTVT; - Bộ luật quản lý an toàn quốc tế (Bộ luật ISM).

STT	Tên gọi chi tiết	Văn bản quy phạm pháp luật	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Công ước quốc tế
11	Dịch vụ đánh giá bất thường hệ thống quản lý an toàn tàu biển	Khoản 5 Điều 12 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT	2.1.1.4, Chương 2, Mục 2, Phần II, QCVN71: 2013/BGTVT; - Bộ luật quản lý an toàn quốc tế (Bộ luật ISM).
12	Dịch vụ phê duyệt Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải phần II	Điều 4 Thông tư số 43/2015/TT-BGTVT	Khoản 10, Tiêu chuẩn A5.1.3, Công ước lao động hàng hải MLC 2006.
13	Dịch vụ kiểm tra, đánh giá lần đầu để cấp Giấy chứng nhận Lao động hàng hải tàu biển hoạt động tuyến quốc tế	Điều 4 Thông tư số 43/2015/TT-BGTVT	Khoản 8, Tiêu chuẩn A5.1.3, Công ước lao động hàng hải MLC 2006.
14	Dịch vụ kiểm tra, đánh giá trung gian để xác nhận vào Giấy chứng nhận Lao động hàng hải tàu biển	Điều 4, Thông tư số 43/2015/TT-BGTVT	Khoản 2, Tiêu chuẩn A5.1.3, Công ước lao động hàng hải MLC 2006.
15	Dịch vụ kiểm tra, đánh giá để cấp mới Giấy chứng nhận Lao động hàng hải tàu biển	Điều 4 Thông tư số 43/2015/TT-BGTVT	Khoản 3, Tiêu chuẩn A5.1.3, Công ước lao động hàng hải MLC 2006.
16	Dịch vụ kiểm tra, đánh giá sơ bộ để cấp mới Giấy chứng nhận Lao động hàng hải tạm thời tàu biển	Điều 5 Thông tư số 43/2015/TT-BGTVT	Khoản 5, Tiêu chuẩn A5.1.3, Công ước lao động hàng hải MLC 2006.
17	Dịch vụ kiểm tra, đánh giá bất thường để duy trì Giấy chứng nhận Lao động hàng hải tàu biển	Điều 4 Thông tư số 43/2015/TT-BGTVT	Khoản 11, Tiêu chuẩn A5.1.3, Công ước lao động hàng hải MLC 2006.